

Trần Lâm, ngày 03 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương quý I năm 2026

Thực hiện Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

UBND phường Trần Lâm báo cáo công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương quý I năm 2026, như sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước (chi tiết tại Biểu số 114/CK-NSNN).

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quý I/2026 là: 501.842,2 triệu đồng đạt 70,45% dự toán HĐND phường giao, cụ thể:

1.1. Các khoản thu phường hưởng 100% là 37.156,7 triệu đồng, đạt 14,25% dự toán HĐND phường giao. Trong đó :

- Lệ phí trước bạ nhà đất là: 4.883,69 triệu đồng, đạt 28,44% dự toán.
- Phí, lệ phí là: 123 triệu đồng, đạt 111,82% dự toán
- Thuế sử dụng đất PNN là 269,24 triệu đồng, đạt 5,2% dự toán.
- Tiền sử dụng đất là: 30.500,7 triệu đồng, đạt 12,82% dự toán.
- Thu khác: 745,5 triệu đồng; (Thu phạt: 6,52 triệu đồng; Thu hồi các khoản kinh phí GPMB hỗ trợ ngừng việc DA ĐTXD đường Ngô Quyền là 669 triệu đồng, thu khác còn lại: 70,03 triệu đồng)
- Thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng: 45,17 triệu đồng.
- Thu xã hội hóa (kinh phí Công ty Dầu khí chuyển tiền hoàn thiện nội thất nhà truyền thống Dầu khí tại Thái Bình): 589,36 triệu đồng.

1.2. Thu các khoản phân chia theo tỷ lệ:

- Thuế giá trị gia tăng là : 1.831,16 triệu đồng, đạt 14,57% dự toán .
- Thuế thu nhập cá nhân là 2.074,17 triệu đồng, đạt 14,5% dự toán. (Trong đó: thuế TNCN hộ kinh doanh: 933,02 triệu đồng; thuế chuyển quyền SDD: 1.141,15 triệu đồng).

1.3. Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên là 187.844 triệu đồng, đạt 44,23% DT.

1.3. Thu chuyển nguồn: 272.936,4 triệu đồng.

Nhìn chung, công tác thu ngân sách trong quý I năm 2026 được triển khai kịp thời ngay từ đầu năm đảm bảo đúng chế độ, chính sách hiện hành; Việc thực hiện công



khai dự toán thu ngân sách được thực hiện nghiêm túc từ đầu năm. Tuy nhiên vẫn còn một số khoản thuế đạt tỷ lệ thấp so với dự toán nguyên nhân là do các thay đổi về chính sách thuế mới, chuyển từ thuế khoán sang thuế kê khai, từ 01/7/2025 các sàn thương mại điện tử có trách nhiệm nộp thay thuế đối với người bán hàng qua nền tảng của các sàn thương mại điện tử, trên địa bàn không quản lý các sàn, do đó số thu phát sinh chủ yếu do truy thu các kỳ trước, hoặc NNT bán hàng qua các kênh như facebook, zalo..., Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thấp là do chưa đến kỳ thu (thời gian thu từ tháng 6/2026 đến tháng 10/2026).

2. Về chi ngân sách nhà nước (chi tiết tại Biểu số 115/CK-NSNN)

Tổng chi ngân sách phường quý I/2026 ước thực hiện: 244.557,3 triệu đồng, đạt 34,33 % dự toán năm, trong đó:

- Chi chuyển nguồn tạm ứng đầu tư XDXB: 141.128,06 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp kinh tế quý I/2026 là: 7,02 triệu đồng.
- Chi thường xuyên quý I/2026 là: 75.800,32 triệu đồng, đạt 24,9% dự toán, trong đó:
 - + Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo là: 34.680,12 triệu đồng, đạt 19,4% DT.
 - + Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: 35 triệu đồng đạt 2,6% dự toán.
 - + Chi sự nghiệp Y tế, dân số là: 5.078,86 triệu đồng, đạt 18,4% dự toán.
 - + Chi sự nghiệp Văn hóa, thể thao, truyền thanh là: 51,1 triệu đồng, đạt 11% DT.
 - + Chi đảm bảo xã hội: 20.973,16 triệu đồng đạt 63,44% dự toán.
 - + Chi quản lý hành chính (Bao gồm Đảng ủy, QLNN và MTTQ và các đoàn thể): 12.947,9 triệu đồng đạt 28,82% dự toán.
- + Chi an ninh quốc phòng: 1799,02 triệu đồng; đạt 66,3% dự toán
- + Chi các lĩnh vực theo quy định của pháp luật: 235,1 triệu đồng.
- Chi dự phòng là: 2.703,07 triệu đồng, đạt 23,8% dự toán.
- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu quý I/2026 là: 24.918,8 triệu đồng, đạt 17,34% dự toán.

Công tác chi ngân sách được thực hiện đúng dự toán, đúng mục đích, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên các nhiệm vụ chính trị, an sinh xã hội và hoạt động thường xuyên của phường. Công tác quản lý tài chính - ngân sách được thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. *uang*

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy - HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Lưu: VT, VP, KTHTĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Thị Lan Anh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TRẦN LÂM**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG TRẦN LÂM QUÝ 1 NĂM 2026

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ THU	712.350.000.000	501.842.216.918	70,45
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	260.797.000.000	37.156.708.314	14,25
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	26.876.000.000	3.905.329.154	14,53
3	Thu bổ sung	424.677.000.000	187.843.773.995	44,23
-	Bổ sung cân đối	280.971.000.000	70.242.000.000	25,00
-	Bổ sung có mục tiêu	143.706.000.000	117.601.773.995	81,83
4	Thu chuyển nguồn		272.936.405.455	
	TỔNG SỐ CHI	712.350.000.000	244.557.310.000	34,33
1	Chi đầu tư phát triển	238.000.000.000		0,00
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	319.270.000.000	75.807.337.709	23,74
3	Dự phòng	11.374.000.000	2.703.070.000	23,77
4	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	143.706.000.000	24.918.840.000	17,34
5	Chi chuyển nguồn XDCB		141.128.062.291	

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG TRẦN LÂM QUÝ 1 NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 130/BC-UBND ngày 03/4/2026 của UBND phường Trần Lâm)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiện		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG SỐ THU	1.386.722.000.000	712.350.000.000	662.870.035.987	501.842.216.918	47,80	70,45
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	903.065.000.000	260.797.000.000	62.656.347.363	37.156.708.314	6,94	14,25
-	Thuế tài nguyên giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
-	Thu từ khí thiên nhiên, khí than theo hiệp định, hợp đồng giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
-	Thuế tài nguyên giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý						
-	Thu từ khí thiên nhiên, khí than theo hiệp định, hợp đồng giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý						
-	Thuế tài nguyên khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
-	Thu từ khí thiên nhiên và khí than theo hiệp định, hợp đồng khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
-	Lệ phí trước bạ	47.440.000.000	17.172.000.000	13.623.907.034	4.883.691.526	28,72	28,44
-	Các loại phí, lệ phí	110.000.000	110.000.000	265.617.600	122.999.600	241,47	111,82
-	Thu tiền sử dụng đất	850.000.000.000	238.000.000.000	44.853.980.319	30.500.706.632	5,28	12,82
-	Thu thuế đất phi nông nghiệp	5.155.000.000	5.155.000.000	269.242.492	269.242.492	5,22	5,22
	Thu tiền cho thuê mặt đất, thuê mặt nước			1.534.755.170			
-	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
-	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển						
-	Thu khác ngân sách	160.000.000	160.000.000	1.474.324.313	745.547.629	921,45	465,97
	Thu phạt			464.045.856	6.515.000		
	Thu hồi các khoản chi năm trước			669.000.000	669.000.000		
	Thu khác còn lại			341.278.457	70.032.629		
-	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	200.000.000	200.000.000	45.165.000	45.165.000	22,58	22,58
-	Thu các khoản huy động đóng góp			589.355.435	589.355.435		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	58.980.000.000	26.876.000.000	139.433.509.174	3.905.329.154	236,41	14,53
-	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	12.570.000.000	12.570.000.000	48.821.001.837	1.831.159.999	388,39	14,57
-	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý			143.186.256			
-	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			10.358.584.423			
-	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			1.170.235.072			
-	Thuế thu nhập cá nhân	46.410.000.000	14.306.000.000	15.535.682.895	2.074.169.155	33,47	14,50
-	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện			63.404.818.691			
III	Thu Viện trợ						
IV	Thu chuyển nguồn			272.936.405.455	272.936.405.455		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	424.677.000.000	424.677.000.000	187.843.773.995	187.843.773.995	44,23	44,23
-	Bổ sung cân đối	280.971.000.000	280.971.000.000	70.242.000.000	70.242.000.000	25,00	25,00
-	Bổ sung có mục tiêu	143.706.000.000	143.706.000.000	117.601.773.995	117.601.773.995	81,83	81,83



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG TRẦN LÂM QUÝ 1 NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số 130/BC-UBND ngày 03/4/2026 của UBND phường Trần Lâm)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	712.350.000.000	238.000.000.000	474.350.000.000	244.557.310.000	141.128.062.291	103.429.247.709	34,33		21,80
1	Chi giáo dục	186.939.200.000	8.186.200.000	178.753.000.000	34.680.125.008		34.680.125.008	18,55		19,40
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	1.353.000.000		1.353.000.000	35.000.000		35.000.000			2,59
3	Chi y tế	27.728.000.000	174.000.000	27.554.000.000	5.078.865.128		5.078.865.128	18,32		18,43
4	Chi văn hóa, thông tin	765.800.000	645.800.000	120.000.000						
5	Chi phát thanh, truyền thanh	344.000.000		344.000.000	51.105.600		51.105.600	14,86		14,86
6	Chi thể dục thể thao									
7	Chi bảo vệ môi trường	4.141.000.000		4.141.000.000				0,00		0,00
8	Chi các hoạt động kinh tế	234.191.700.000	223.908.700.000	10.283.000.000	7.020.000		7.020.000	0,00		0,07
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	45.009.400.000	85.300.000	44.924.100.000	13.162.993.773		13.162.993.773	29,24		29,30
10	Chi cho công tác xã hội	37.629.000.000	5.000.000.000	32.629.000.000	20.973.160.000		20.973.160.000	55,74		64,28
11	Chi quốc phòng	2.625.000.000		2.625.000.000	745.752.200		745.752.200	28,41		28,41
12	Chi an ninh	90.000.000		90.000.000	1.053.316.000		1.053.316.000	1170,35		1170,35
13	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật	16.453.900.000		16.453.900.000	20.000.000		20.000.000	0,12		0,12
	Hỗ trợ hoạt động thường xuyên phục vụ mô hình chính quyền 2 cấp	1.000.000.000		1.000.000.000				0,00		0,00
	Chi hoạt động thường xuyên theo tiêu chí dân số	5.487.000.000		5.487.000.000	20.000.000		20.000.000	0,36		0,36
	Chi khen thưởng	1.598.000.000		1.598.000.000				0,00		0,00
	Chi các khoản đặc thù ngoài định mức	6.770.900.000		6.770.900.000				0,00		0,00
	Các nhiệm vụ chi khác	1.598.000.000		1.598.000.000	215.100.000		215.100.000	13,46		13,46
14	Dự phòng ngân sách	11.374.000.000		11.374.000.000	2.703.070.000		2.703.070.000	23,77		23,77
15	Chi từ nguồn có mục tiêu vốn sự nghiệp ngân sách cấp trên	143.706.000.000		143.706.000.000	24.918.840.000		24.918.840.000	17,34		17,34
16	Chi chuyển nguồn XDCB				141.128.062.291	141.128.062.291				